

Bản án số: 197/2024/DS-ST
Ngày: 17/7/2024.
Về việc: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN X - THÀNH PHỐ H

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Tú.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Vũ Thị Hiệp.

2. Ông Trần Đức Nhì.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân QUẬN X.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân QUẬN X, Thành phố H tham gia phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Anh Đào – Kiểm sát viên.

Trong các ngày từ 16/7/2024 đến 17/7/2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân QUẬN X xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 172/2023/TLST-DS ngày 19/10/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2024/QĐXXST-DS ngày 20/5/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 84/2024/QĐST-DS ngày 18/6/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

Địa chỉ trụ sở: Số 130 Đường L, Phường 3, quận P, Thành phố H.

* *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Nguyễn Thanh T – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

* *Người đại diện theo ủy quyền:* Bà Phan Thị Tố Q – Chức vụ: Giám đốc PGD Âu Cơ.

* *Người đại diện theo ủy quyền lại:* Bà Huỳnh Trần Lan A – Chức vụ: Nhân viên Quản lý Tín dụng – Ngân hàng TMCP A – CN Tân Bình – PGD Âu Cơ;

Địa chỉ liên lạc: Số 453 Đường C, phường P, quận T, Thành phố H.

(Giấy ủy quyền ngày 17/8/2023 của bà Phan Thị Tố Q - Giám đốc PGD

Âu Cơ)

- Bị đơn: Ông Trần Hồng H – sinh năm 1983;

Địa chỉ: Số 183/6A Đường Tr, Tổ 42, khu phố 3, Phường 2, QUẬN X, Thành phố H.

Bà Huỳnh Trần Lan A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn ông Trần Hồng H vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện; các Bản tự khai và Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần A thông qua người đại diện theo ủy quyền là bà Phan Thị Tố Q và bà Huỳnh Trần Lan A trình bày:***

Ngày 16/7/2010, ông Trần Hồng H ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần A (viết tắt là Ngân hàng TMCP A) giấy đăng ký sử dụng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ với tổng hạn mức cấp tín dụng là: 4.500.000 đồng. Chi tiết như sau: Hạn mức thấu chi được phê duyệt: 4.500.000 đồng; Hạn mức đã sử dụng: 4.498.906 đồng; Lãi suất: 1,3%/tháng; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn là 2,1%/tháng; Thời hạn vay: 9 tháng, kể từ ngày 16/7/2010 đến ngày 16/4/2011; Mục đích vay: vay tiêu dùng.

Trong quá trình vay, từ ngày 16/7/2010 đến nay, ông H chỉ trả được tổng số tiền lãi trong hạn là 8.910 đồng.

Ông Trần Hồng H vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 16/4/2011 đến nay. Số tiền nợ tạm tính đến ngày 16/7/2024 là: 19.214.645 đồng, gồm: nợ gốc 4.498.906 đồng; lãi trong hạn: 562.181 đồng; lãi quá hạn 14.153.558 đồng.

Nay Ngân hàng TMCP A yêu cầu ông Trần Hồng H phải trả ngay cho Ngân hàng TMCP A tổng số nợ còn thiếu tạm tính đến ngày 16/7/2024 là: 19.214.645 đồng.

Kể từ ngày 17/7/2024 sẽ phát sinh thêm tiền lãi quá hạn vì vậy ông Trần Hồng H phải thực trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP A theo lãi suất quá hạn được quy định tại Giấy đăng ký sử dụng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ ngày 16/7/2010. Yêu cầu ông Trần Hồng H trả một lần sau khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

**** Bị đơn là ông Trần Hồng H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nH đều vắng mặt tại phiên tòa theo giấy triệu tập nên không ghi nhận được ý kiến.***

**** Tại phiên tòa sơ thẩm:***

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Huỳnh Trần Lan A có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt;

- Bị đơn là ông Trần Hồng H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nH vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, không thông báo lý do vắng mặt cho Tòa án.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân QUẬN X phát biểu ý kiến:**

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và thư ký đã thực hiện và tuân thủ đúng các quy định của pháp luật;

- Về nội dung:

Căn cứ Điều 26; khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của HĐTP TAND tối cao.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án;

Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Buộc ông Trần Hồng H phải trả ngay cho Ngân hàng tổng cộng 19.214.645 đồng, gồm: nợ gốc 4.498.906 đồng; lãi trong hạn: 562.181 đồng; lãi quá hạn 14.153.558 đồng và thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 17/7/2024 cho đến khi trả hết nợ theo thỏa thuận tại hợp đồng.

- Về án phí: Bị đơn chịu án phí theo quy định Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trình bày của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân QUẬN X, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản đối với bị đơn có nơi cư trú tại địa chỉ: Số 183/6A Đường Tr, Tổ 42, khu phố 3, Phường 2, QUẬN X, Thành phố H. Do đó, vụ án thuộc tranh chấp về hợp đồng dân sự theo khoản 3 Điều 26 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân QUẬN X theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về sự vắng mặt người tham gia tố tụng: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; Bị đơn là ông Trần Hồng H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng NH vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Theo các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định:

Ngày 16/7/2010, ông Trần Hồng H ký với Ngân hàng TMCP A Giấy đăng ký sử dụng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ số 267969/TC24, với hình thức vay tiền qua thẻ. Ngân hàng đã đồng ý cấp cho ông H tổng hạn mức tín dụng là: 4.500.000 đồng; Lãi suất trong hạn: 1,3%/tháng; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn (1.95%/tháng); Thời hạn vay: kể từ ngày 16/7/2010 đến ngày 16/4/2011 (9 tháng); Mục đích vay: vay tiêu dùng.

Xét hợp đồng vay tiền giữa ông Trần Hồng H và Ngân hàng được lập bằng văn bản, có chữ ký xác nhận của hai bên là thể hiện sự tự nguyện, mức lãi suất thỏa thuận không trái pháp luật. Do đó, được công nhận là hợp pháp.

Trong quá trình vay, theo sao kê chi tiết phát sinh giao dịch của ông Trần Hồng H do phía Ngân hàng A cung cấp thì ông H đã sử dụng hết hạn mức được cấp từ ngày 16/7/2010, nH đến nay, ông H chỉ trả được tổng số tiền lãi trong hạn là 8.910 đồng.

Đến hạn thanh toán gốc và lãi là ngày 16/4/2011, ông Trần Hồng H không thanh toán đúng thỏa thuận nên xác định ông H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 16/4/2011 đến nay. Số tiền nợ cụ thể tạm tính đến ngày 16/7/2024 gồm: Nợ gốc: 4.498.906 đồng; Lãi trong hạn tính từ ngày 16/7/2010 đến ngày 16/4/2011: 562.181 đồng; Lãi quá hạn tính từ ngày 16/4/2011 đến ngày 16/7/2024: 14.153.558 đồng. Tổng cộng là 19.214.645 đồng.

Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu ông Trần Hồng H phải thanh toán các khoản nợ cho Ngân hàng là có căn cứ chấp nhận. Buộc ông Trần Hồng H trả cho Ngân hàng TMCP A tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 16/7/2024 là 19.214.645 đồng như đã nêu trên.

Thời hạn thanh toán: Thanh toán sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 17/7/2024 cho đến khi thi hành xong tất cả khoản nợ nêu trên, hàng tháng ông Trần Hồng H còn phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP A số tiền lãi chậm trả theo thỏa thuận tại Giấy đăng ký sử dụng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ số 267969/TC24 ngày 16/7/2010.

[3.] Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Hồng H phải chịu án phí dân sự là 960.732 đồng, theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP A số tiền tạm ứng án phí 477.903 đồng theo biên lai thu số 0038463 ngày 19/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự QUẬN X, Thành phố H.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3, khoản 11 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015;
- Căn cứ Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;
- Điều 26 Luật thi hành án dân sự;
- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A: Buộc ông Trần Hồng H phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A tổng số tiền là **19.214.645 đồng (Mười chín triệu hai trăm mười bốn ngàn sáu trăm bốn mươi lăm đồng)**, gồm: nợ gốc 4.498.906 đồng; lãi trong hạn: 562.181 đồng; lãi quá hạn 14.153.558 đồng.

Thời hạn thanh toán: Thanh toán sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 17/7/2024 cho đến khi thi hành án xong, ông Trần Hồng H còn phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền lãi chậm trả theo thỏa thuận tại Giấy đăng ký sử dụng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ 267969/TC24 ngày 16/7/2010.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Hồng H phải chịu án phí dân sự là 960.732 đồng.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP A số tiền tạm ứng án phí 477.903 đồng theo biên lai thu số 0038463 ngày 19/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự QUẬN X, Thành phố H.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

4. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố H (01);
- VKSND QUẬN X (2);
- Chi Cục Thi hành án dân sự QUẬN X (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu VP (3), HSVA (2);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Tú

